

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 5/5/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sang

2. Ông Lữ Khắc Hồi

Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phượng Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 5 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 và giữa các đương sự:

1. *Ng đơn:* Nguyễn Thị X, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hai Thủ, xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hai Thủ, xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Nguyễn Thị X như sau:

Bà X và ông Ng chung sống năm 1986, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Thới A, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre năm 1996. Thời gian chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Loan, sinh năm 1986; Nguyễn Thanh Nhân, sinh năm 1996. Ng nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm bị ran nứt, hai người thường xuyên cự cãi không có tiếng nói chung. Nay bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông Ng.

Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết,

*** Phía ông Nguyễn Văn Ng**Tòa án đã thông báo thụ lý, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông Ng vắng mặt không rõ lý do cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết về việc khởi kiện của bà X.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của bà X cho bà được ly hôn với ông Ng. Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không Xem xét. Về án phí buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nhân đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà X và ông Ng chung sống với nhau vào năm 1986, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Thới A, huyện Mỹ Cày, tỉnh Bến Tre năm 1996 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thường xuyên cự cãi dẫn đến tình cảm bị rạn nứt, hai người thường xuyên cự cãi không có tiếng nói chung nên bà X khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Tòa án triệu tập hòa giải để động viên bà X và ông Ng đoàn tụ với nhau nhưng ông Ng không đến. Cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên hội đồng xử án chấp nhận cho Bà X được ly hôn với ông Ng.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra Xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của Vị đại diện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X. Cho bà X được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ng.

Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không Xem xét

Về nợ chung: Không có nên không Xem xét.

Về án phí: Bà X tự nguyện chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009703 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Án xử công khai, vắng mặt Ng đơn - bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hằng